

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 541/2021/HS-ST  
Ngày: 17-12- 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Trần Trúc Thủy.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Thiều Thị Phi Loan.

2. Ông Trần Văn Chánh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thanh Huệ - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 423/2021/TLST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 384b/2021/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 993b/2021/HSST-QĐ ngày 23 tháng 8 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 1014b/2021/HSST-QĐ ngày 23 tháng 9 năm 2021, thông báo dời lịch số 1049/TB-TA ngày 08 tháng 10 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 1077/2021/HSST-QĐ ngày 21 tháng 10 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 1217/2021/HSST-QĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Phước T**; tên gọi khác: không; sinh năm 1983, tại Bình Dương. Hộ khẩu thường trú: Tổ 3, khu phố M, phường H, thị xã U, tỉnh Bình Dương; Nơi cư trú: Tổ 3, khu phố M, phường H, thị xã U, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1949 (còn sống) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1955 (còn sống); bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 31/10/2007, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 222/2007/HSST.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/3/2021 đến ngày 18/3/2021 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa chỉ cư trú tại khu phố M, phường H, thị xã U, tỉnh Bình Dương (Bị cáo có mặt).

- Bị hại: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1945.

Địa chỉ: 685/23, tổ 16, khu phố 4, phường L, thành phố H (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Minh C, sinh năm

1980.

Địa chỉ: Khu phố 4, phường L, thành phố H, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 50 ngày 09/3/2021, Nguyễn Phước T đi bộ đến trước cổng nhà ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1945, trú tại 685/23, tổ 16, khu phố 4, phường L, thành phố H thì T nhìn thấy chiếc xe mô tô biển số 60A-071.18 của ông N đang để trước cổng, chìa khóa còn cắm trên ổ khóa điện và không có ai trông coi nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên T ngồi lên xe nổ máy bỏ chạy tẩu thoát thì va chạm với xe trên đường nên bị té ngã bị thương tích và được mọi người sơ cứu tại trạm y tế còn chiếc xe vẫn để ở trên đường nơi T té ngã. Sau khi ông N bị mất xe đã nhờ mọi người đi tìm thì phát hiện xe của ông N ở trên đường và được mọi người báo là của đối tượng T chạy xe ngã nên ông N đã trình báo sự việc lên Công an phường Bửu Long lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa xử lý theo quy định. Quá trình điều tra T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Vật chứng của vụ án:

- 01 xe mô tô biển số 60A-071.18, nhãn hiệu SYM – Angela, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã thu giữ và đã trả lại cho ông Nguyễn Văn N.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 85/KL-HĐĐGTS ngày 10/3/2021, của Hội đồng định giá thành phố Biên Hòa trong tố tụng hình sự, kết luận xe mô tô biển số 60A-071.18 có giá trị tài sản là 7.900.000 đồng (bảy triệu chín trăm nghìn đồng).

Tại Bản cáo trạng số 434/CT-VKSBH ngày 13/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Nguyễn Phước T về tội "Trộm cắp tài sản", quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo điều khoản và tội danh đã nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 10 (mười) đến 12 (mười hai) tháng tù giam.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn N đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả 01 xe mô tô biển số 60A-071.18 cho ông Nguyễn Văn N là chủ sở hữu.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì đối với lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng bị cáo đã nhận thức hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP. Biên Hòa, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình tiến hành tố tụng, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Trên cơ sở khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với các lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, kết luận định giá tài sản, lời khai người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có cơ sở xác định: Khoảng 16 giờ 50 ngày 09/3/2021, bị cáo T đã có hành vi lén lút trộm cắp tại nhà ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1945, tại 685/23, tổ 16, khu phố 4, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai 01 xe mô tô biển số 60A-071.18 có giá trị tài sản là 7.900.000 đồng (bảy triệu chín trăm nghìn đồng) thì bị phát hiện xử lý theo quy định.

Xét thấy, hành vi của bị cáo như đã nêu trên, đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Từ những căn cứ trên, xét thấy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố đối với bị cáo T là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của mình.

[3] Nhân thân, tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Bị cáo có nhân thân xấu, từng bị Tòa án nhân dân huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Lẽ ra khi ra tù, bị cáo phải lấy đó làm bài học răn dạy bản thân, trở thành một công dân sống có ích cho xã hội. Nhưng bị cáo vì lợi ích cá nhân, mà tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người đã trưởng thành, có sức khỏe, có đầy đủ khả năng nhận thức pháp luật, bị cáo biết hành vi trộm cắp là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình vi phạm pháp luật, thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T trộm cắp tài sản của ông Ngọc là người đã trên 70 tuổi, thuộc trường hợp “Phạm tội đối với người đủ 70

tuổi trở lên” quy định tại điểm i khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên xem xét giảm nhẹ một phần về mức hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Về hình phạt: Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo đối với xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và đề phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo T không có nghề nghiệp, bản thân không có thu nhập ổn định, nên không có điều kiện để thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng trong vụ án: 01 xe mô tô biển số 60A-071.18, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã trả lại cho ông Nguyễn Văn N là chủ sở hữu là đúng quy định pháp luật.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Văn N đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Minh C không có yêu cầu bồi thường, nên trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét.

[10] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Đối với phần trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa, phù hợp với quy định của pháp luật, quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38, điểm s khoản 1 điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phước T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Phước T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án và được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/3/2021 đến ngày 18/3/2021.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Phước T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (03);
- VKSND Tp.Biên Hòa (01);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (01);
- Công an Tp.Biên Hòa (01);
- Cơ quan Thi hành án (01);
- Tòa án tỉnh Đồng Nai (01);
- UBND phường Thái Hòa (01);
- Lưu VP-HS (05).

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Trần Trúc Thủy**

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**